

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2021.

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;

2. Ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 623/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Tuyết H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp LĐ, xã OLV, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp VQ, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Tuyết H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn năm 2008, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 121 cấp ngày 29/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng dần về sau thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên phát sinh mâu thuẫn chồng bà khó khăn, khắc khe và cộc cằn với vợ, cha mẹ chồng cũng khó khăn với con dâu, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm của bà với ông T nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh văn T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Văn L, sinh ngày 14/03/2009, hiện tại đang sống với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/02/2021 ông T trình bày: Về hôn nhân ông thống nhất ly hôn với bà H. Về con chung ông đồng ý giao con chung Trịnh Văn L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Đào Thị Tuyết H và ông Trịnh Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến*:

+ Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H ly hôn ông T. Giao con chung Trịnh Văn L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu. Về T sản chung, nợ chung: Bà H và ông T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà H và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung theo Giấy đăng ký kết hôn số 121 cấp ngày 29/4/2011 là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Theo bà H trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ ngày sống ly thân đến nay giữa bà H và ông T không còn liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng ông T vắng mặt chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Qua xác minh, địa pH xác định ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Quói, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T thì địa pH không rõ. Hiện tại bà H không còn chung sống với ông T nữa.

Xét thấy, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ yêu tH, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng giữa ông H và ông T không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau, ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Không còn qua lại thăm nom, chăm sóc nhau. Cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Văn L, sinh ngày 14/03/2009, hiện tại đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, ông T thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi con chung. Từ khi ly thân đến nay con chung Trịnh Văn L đang sống ổn định cùng bà H. Đồng Thời, con chung Trịnh Văn L cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ, thấy rằng để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt, học tập của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trịnh Văn L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

Bà H và gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.3] Về T sản chung, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Tuyết H.

- Về hôn nhân: Bà Đào Thị Tuyết H được ly hôn ông Trịnh Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121 cấp ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Trịnh Văn T và bà Đào Thị Tuyết H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Trịnh Văn L, sinh ngày 14/03/2009, hiện tại đang sống với bà H.

Giao con chung Trịnh Văn L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H và gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về T sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đào Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008476 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị Tuyết H và ông Trịnh Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Vũ

